

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 38

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hùng Dương  
Ông Phạm Hữu Tấn  
Ông Nguyễn Văn Thắng  
Bà Nguyễn Thị Yến  
Ông Nguyễn Văn Tài  
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc  
Ông Lưu Văn Dũng

Chủ tịch (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)  
Chủ tịch (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)  
Thành viên (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Thắng  
Ông Trịnh Thanh Tùng

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Hoàng Việt  
Bà Nguyễn Thị Hiền  
Bà Trần Thị Thanh Thủy  
Bà Bùi Thị Ngọc Lương

Trưởng Ban (Bổ nhiệm từ 12/06/2025)  
Trưởng Ban (Miễn nhiệm từ 12/06/2025)  
Thành viên  
Thành viên

#### **Trưởng Phòng Tài chính Kế toán**

Bà Hồ Nguyễn Tú Anh

Trưởng Phòng Tài chính Kế toán (Bổ nhiệm từ 18/04/2025)  
Phó Trưởng Phòng Tài chính Kế toán – Phụ trách kế toán (đến 17/04/2025)

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ:

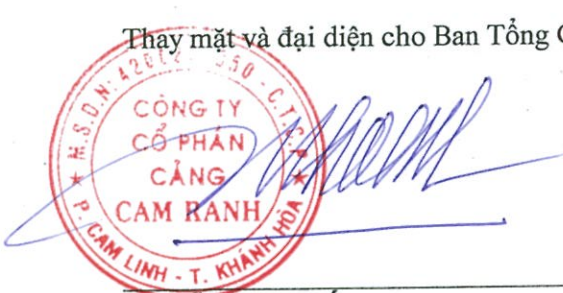
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025. Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026



Số: 107/2026/UHY-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Hà Minh Long**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2026

**Trần Xuân Thường**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5801-2023-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
 Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.123.971.987</b>	<b>46.354.553.827</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	62.444.956.130	32.204.788.835
Tiền	111		25.444.956.130	10.204.788.835
Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	22.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.187.291.286	12.319.834.630
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.219.905.636	10.847.834.649
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.797.820.000	1.837.955.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.520.635.734	816.034.877
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.351.070.084)	(1.181.989.896)
Hàng tồn kho	140	V.7	1.332.963.166	1.344.933.229
Hàng tồn kho	141		1.332.963.166	1.344.933.229
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.158.761.405	484.997.133
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	736.177.574	421.997.755
Thuế GTGT được khấu trừ	152		258.551.318	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.164.032.513	62.999.378
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>263.330.744.886</b>	<b>262.009.300.358</b>
Tài sản cố định	220		242.730.048.639	253.890.399.024
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	242.268.130.408	253.261.204.056
- Nguyên giá	222		565.742.853.193	555.764.492.012
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(323.474.722.785)	(302.503.287.956)
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	461.918.231	629.194.968
- Nguyên giá	228		955.375.660	955.375.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(493.457.429)	(326.180.692)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.206.660.032	2.237.787.979
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	11.206.660.032	2.237.787.979
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.464.390.000	4.464.390.000
Đầu tư vào công ty con	251		3.294.390.000	3.294.390.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.170.000.000	1.170.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.929.646.215	1.416.723.355
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.929.646.215	1.416.723.355
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>346.454.716.873</b>	<b>308.363.854.185</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>59.740.982.501</b>	<b>33.579.629.659</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.993.982.501</b>	<b>24.850.429.659</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	16.179.375.419	6.495.950.618
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	322.958.735	92.100.010
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.274.720.140	1.737.479.962
Phải trả người lao động	314		26.733.691.000	6.959.151.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	310.431.401	145.688.225
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	1.362.200.000	3.787.200.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.596.890.293	3.189.587.914
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	1.620.000.000	1.620.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		593.715.513	823.271.930
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.747.000.000</b>	<b>8.729.200.000</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16	-	1.362.200.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	5.747.000.000	7.367.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>286.713.734.372</b>	<b>274.784.224.526</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>286.713.734.372</b>	<b>274.784.224.526</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		245.018.170.000	245.018.170.000
Cổ phiếu quỹ	415		(482.000.000)	(482.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		13.937.027.761	13.937.027.761
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.240.536.611	16.311.026.765
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.464.265	47.570.945
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		28.216.072.346	16.263.455.820
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>346.454.716.873</b>	<b>308.363.854.185</b>

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán



Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	251.122.477.107 ✓	170.447.749.604
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		251.122.477.107	170.447.749.604
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	174.539.261.338 ✓	123.832.231.634
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.583.215.769	46.615.517.970
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.847.410.496 ✓	1.472.180.157
Chi phí tài chính	22	VI.4	648.320.532 ✓	778.333.322
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		648.320.532	778.333.322
Chi phí bán hàng	25	VI.5	280.928.648 ✓	391.735.317
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	39.237.236.053	26.401.828.826
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.264.141.032	20.515.800.662
Thu nhập khác	31	VI.8	38.253.243 ✓	18.000.000
Chi phí khác	32	VI.9	3.795.708.426 ✓	59.454.245
Lợi nhuận khác	40		(3.757.455.183)	(41.454.245)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.506.685.849	20.474.346.417
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	7.290.613.503 ✓	4.210.890.597
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.216.072.346	16.263.455.820

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán



Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Thắng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>35.506.685.849</b>	<b>20.474.346.417</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	21.138.711.566	21.281.670.278
Các khoản dự phòng	03	169.080.188	112.720.125
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(2.794.525.811)	(1.472.180.157)
Chi phí lãi vay	06	648.320.532	778.333.322
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>54.668.272.324</b>	<b>41.174.889.985</b>
(Tăng), giảm khoản phải thu	09	(6.621.495.425)	5.150.242.643
Giảm, (Tăng) hàng tồn kho	10	11.970.063	(785.076.559)
(Giảm), Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	27.945.671.762	568.933.390
Giảm, (Tăng) chi phí trả trước	12	(3.827.102.679)	(1.202.599.728)
Tiền lãi vay đã trả	14	(648.320.532)	(778.333.322)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.837.501.878)	(4.014.363.556)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	109.560.000	(15.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.398.870.417)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>61.402.183.218</b>	<b>40.098.692.853</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(20.109.733.234)	(9.662.149.920)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	2.794.525.811	1.425.197.969



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(17.315.207.423)	(8.236.951.951)
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</i>				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.620.000.000)	(1.620.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.226.808.500)	(11.035.290.659)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(13.846.808.500)	(12.655.290.659)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		30.240.167.295	19.206.450.243
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60	V.1	32.204.788.835	12.998.338.592
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	V.1	62.444.956.130	32.204.788.835

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán



Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh – Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28/01/2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01/04/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 08/05/2023.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại: Số 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.018.170.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 245.018.170.000 đồng; tương đương 24.501.817 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 172 người (tại ngày 31/12/2024 là 168 người).

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực khai thác Cảng biển.

**3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bốc xếp hàng hóa.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistic;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có Công ty con:

- Tên: Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh.
- Địa chỉ: 29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa.
- Hoạt động kinh doanh chính: Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải.
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích, quyền biểu quyết của Công ty là 51%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và hoàn toàn có thể so sánh được.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

*Đầu tư vào Công ty con*

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Quyền kiểm soát của Công ty đối với công ty con được xem xét bao gồm sự tồn tại và ảnh hưởng của quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện hoặc chuyển đổi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)**

Được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, giá trị các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất khoản các khoản đầu tư được lập khi Công ty bên nhận đầu tư bị lỗ, căn cứ Báo cáo tài chính bên nhận đầu tư tại thời điểm trích dự phòng.

**6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 31/12/2025, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39
- Máy móc, thiết bị	04 - 13
- Phương tiện vận tải	02 - 09
- Thiết bị văn phòng	02 - 06
- Phần mềm quản lý	05

Công ty ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

**9. Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy tính***

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

**10. Chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng; các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ tối đa 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng hoặc theo thời hạn mua.

**12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả..

**14. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh, phù hợp doanh thu phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh, số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**15. Vay và chi phí đi vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)*

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**17. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 36 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số cổ phiếu đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

**18. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính:

*Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa:*

Doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa được ghi nhận khi đáp ứng đồng thời cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**18. Ghi nhận doanh thu (tiếp)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên cơ sở thời gian, lãi suất thực tế từng kỳ và thông báo hàng kỳ của ngân hàng; lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**19. Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

*Thuế Giá trị gia tăng (VAT)*

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế giá trị gia tăng theo hướng dẫn của luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

*Thuế Thu nhập doanh nghiệp*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025 là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**22. Báo cáo bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ bốc xếp hàng hóa phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	222.914.194	297.166.472
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.222.041.936	9.907.622.363
- Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	22.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>62.444.956.130</b>	<b>32.204.788.835</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

## 2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty con	3.294.390.000	-		3.294.390.000	-	
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh (1)</i>	3.294.390.000	-	(*)	3.294.390.000	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.170.000.000	-		1.170.000.000	-	
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (2)</i>	1.170.000.000	-	(*)	1.170.000.000	-	(*)
<b>Cộng</b>	<b>4.464.390.000</b>	<b>-</b>		<b>4.464.390.000</b>	<b>-</b>	

Thông tin về Công ty đầu tư tại ngày 31/12/2025:

Tên Công ty đầu tư	Nơi Thành lập hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Đầu tư vào công ty con				
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải Cảng Cam Ranh</i>	<i>Phường Cam Linh</i>	<i>51,00%</i>	<i>51,00%</i>	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ hàng hải
- Đầu tư vào đơn vị khác				
<i>Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh</i>	<i>Phường Cam Linh</i>	<i>6,50%</i>	<i>6,50%</i>	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

(1) Khoản đầu tư vào Công ty con với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2025 là 356.979 cổ phiếu, trong đó 27.540 cổ phiếu do Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(2) Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2025 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

(\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan</b>	<b>583.603.457</b>	<b>66.187.156</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hải	169.624.904	66.187.156
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics	413.978.553	-
<b>Phải thu ngắn hạn là các bên khác</b>	<b>13.636.302.179</b>	<b>10.781.647.493</b>
- Công ty TNHH đầu tư xây dựng DACINCO	3.970.418.898	1.775.883.694
- Công ty TNHH Đá Hòa An 1	2.092.605.795	3.394.802.527
- Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Nhật Châu	983.180.557	170.278.382
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Sang	567.833.569	343.612.894
- Công ty CP Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	563.600.626
- Công ty Cổ phần Tiếp vận Hòa Phát	490.320.000	407.171.808
- Các đối tượng khác	4.968.342.734	4.126.297.562
<b>Cộng</b>	<b>14.219.905.636</b>	<b>10.847.834.649</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng	-	1.778.535.000
- Công ty TNHH Quyết Thắng	510.000.000	-
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Công Nghệ INTECOM	246.000.000	-
- Công ty TNHH SX TM cơ khí Nguyễn Minh	224.400.000	-
- Công ty TNHH Cân điện tử Công nghệ	203.100.000	-
- Các đối tượng khác	614.320.000	59.420.000
<b>Cộng</b>	<b>1.797.820.000</b>	<b>1.837.955.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***5. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Tạm ứng	50.000.000	-	50.000.000	-
- Phân chia chi phí Cầu Gottwald	739.538.812	-	223.308.490	-
- Bảo hiểm thất nghiệp phải trả cho người lao động	-	-	102.261.230	-
- Lãi dự thu	181.646.576	-	5.983.562	-
- Phải thu khác	534.450.346	-	419.481.595	-
<b>Cộng</b>	<b>1.520.635.734</b>	<b>-</b>	<b>816.034.877</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và đầu tư Khánh Hòa	Trên 3 năm	347.656.124	-	Trên 3 năm	347.656.124	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	Trên 3 năm	563.600.626	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	563.600.626	169.080.188
- Công ty Cổ phần Xây dựng và ứng dụng Công nghệ Mới	Trên 3 năm	113.319.150	-	Trên 3 năm	113.319.150	-
- Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Hải Gia	Trên 3 năm	99.453.843	-	Trên 3 năm	99.453.843	-
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	227.040.341	-	Trên 3 năm	227.040.341	-
<b>Cộng</b>		<b>1.351.070.084</b>	<b>-</b>		<b>1.351.070.084</b>	<b>169.080.188</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Công cụ, dụng cụ	123.417.297	-	52.638.633	-
- Hàng hóa	1.209.545.869	-	1.292.294.596	-
<b>Cộng</b>	<b>1.332.963.166</b>	<b>-</b>	<b>1.344.933.229</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>736.177.574</b>	<b>421.997.755</b>
- Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	458.199.927	127.679.855
- Các khoản khác	277.977.647	294.317.900
<b>Dài hạn</b>	<b>4.929.646.215</b>	<b>1.416.723.355</b>
- Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	-	5.017.636
- Chi phí sửa chữa lớn	4.474.644.336	755.403.142
- Phí kiểm định Bến đỗ 1 và 2	362.213.945	551.195.945
- Các khoản khác	92.787.934	105.106.632
<b>Cộng</b>	<b>5.665.823.789</b>	<b>1.838.721.110</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, Thiết bị (*) VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2025	484.399.802.866	49.584.126.892	19.249.978.836	2.530.583.418	555.764.492.012
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.525.683.503	729.797.980	219.099.698	503.780.000	9.978.361.181
31/12/2025	492.925.486.369	50.313.924.872	19.469.078.534	3.034.363.418	565.742.853.193
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2025	(258.391.291.639)	(29.128.694.776)	(13.221.674.088)	(1.761.627.453)	(302.503.287.956)
- Khấu hao trong năm	(15.670.572.390)	(3.837.349.143)	(1.247.374.865)	(216.138.431)	(20.971.434.829)
31/12/2025	(274.061.864.029)	(32.966.043.919)	(14.469.048.953)	(1.977.765.884)	(323.474.722.785)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2025	226.008.511.227	20.455.432.116	6.028.304.748	768.955.965	253.261.204.056
31/12/2025	218.863.622.340	17.347.880.953	5.000.029.581	1.056.597.534	242.268.130.408

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025: 37.638.870.679 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là: 23.546.484.216 đồng).

Giá trị còn lại TSCĐ cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2025: 12.317.940.525 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 14.056.943.889 đồng).

(\*) Bao gồm thiết bị “Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward – Model HMK 280 (đã qua sử dụng)” là tài sản hình thành từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, trong năm 2022 sửa chữa lớn nguyên giá tăng lên là: 8.666.652.766 đồng, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2025 là: 6.159.314.791 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2025	955.375.660	955.375.660
31/12/2025	955.375.660	955.375.660
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2025	(326.180.692)	(326.180.692)
- Khấu hao trong năm	(167.276.737)	(167.276.737)
31/12/2025	(493.457.429)	(493.457.429)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2025	629.194.968	629.194.968
31/12/2025	461.918.231	461.918.231

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2025	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
Dự án Nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi (1)	1.795.734.107	-	-	-	1.795.734.107
Dự án Cầu di động - Sức nâng 200-250 tấn (2)	-	9.228.222.222	-	-	9.228.222.222
Dự án khác	442.053.872	4.712.629.629	4.460.868.687	511.111.111	182.703.703
<b>Cộng</b>	<b>2.237.787.979</b>	<b>13.940.851.851</b>	<b>4.460.868.692</b>	<b>511.111.111</b>	<b>11.206.660.032</b>

(1) Dự án “Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 28.049.378.000 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa (nay là Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa);
- Mục tiêu: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
- Cơ cấu nguồn vốn: 70% vốn chủ sở hữu, 30% vốn vay
- Tại thời điểm 31/12/2025, dự án đã thực hiện xong Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

(2) Dự án “Cầu di động – Sức nâng 200-250 tấn” với các thông tin cơ bản như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 9.998.679.608 đồng;
- Địa điểm thực hiện: Tại khu vực hiện trường sản xuất Cảng Cam Ranh;
- Mục tiêu: Chủ động xử lý bốc xếp hàng hóa, giảm phụ thuộc thuê ngoài; rút ngắn thời gian xếp dỡ, giải phóng tàu nhanh; nâng cao năng lực cạnh tranh và dịch vụ hậu cần cảng biển; phù hợp quy hoạch, chiến lược, tầm nhìn phát triển của Cảng trong tương lai, định hướng phát triển logistics;
- Cơ cấu nguồn vốn: 100% vốn tự có của Chủ đầu tư
- Tại thời điểm 31/12/2025, dự án đang trong giai đoạn đầu tư hoàn thành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

29 Đường Nguyễn Trọng Kỳ, Tổ dân phố Đá Bạc, Phường Cam Linh, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán là bên liên quan</b>	<b>789.261.483</b>	<b>789.261.483</b>	<b>568.835.035</b>	<b>568.835.035</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	789.261.483	789.261.483	310.535.035	310.535.035
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	-	-	258.300.000	258.300.000
<b>Phải trả người bán là bên khác</b>	<b>15.390.113.936</b>	<b>15.390.113.936</b>	<b>5.927.115.583</b>	<b>5.927.115.583</b>
- Công ty cổ phần thiết bị và dịch vụ TCE	6.685.000.000	6.685.000.000	-	-
- Công ty TNHH Xây Dựng Minh Khôi	2.345.000.000	2.345.000.000	-	-
- Công ty TNHH Đông Đô	1.827.965.000	1.827.965.000	2.990.465.000	2.990.465.000
- Công ty TNHH Thịnh An Khang NT	1.631.225.952	1.631.225.952	474.393.888	474.393.888
- Các đối tượng khác	2.900.922.984	2.900.922.984	2.462.256.695	2.462.256.695
<b>Cộng</b>	<b>16.179.375.419</b>	<b>16.179.375.419</b>	<b>6.495.950.618</b>	<b>6.495.950.618</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH VTH Việt Á	196.487.983	196.487.983	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Sông biển Chúc An	52.639.200	52.639.200	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Tổng hợp Bình An Phát	28.450.343	28.450.343	25.000.000	25.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư XD-TV Thiết kế 6879	24.034.792	24.034.792	-	-
- Các đối tượng khác	21.346.417	21.346.417	67.100.010	67.100.010
<b>Cộng</b>	<b>322.958.735</b>	<b>322.958.735</b>	<b>92.100.010</b>	<b>92.100.010</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế Giá trị gia tăng	202.640.777	19.728.124.633	19.930.765.410	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.306.031.940	7.290.613.503	5.837.501.878	2.759.143.565
- Thuế Thu nhập cá nhân	228.807.245	1.100.121.557	813.352.227	515.576.575
<b>Cộng</b>	<b>1.737.479.962</b>	<b>28.118.859.693</b>	<b>26.581.619.515</b>	<b>3.274.720.140</b>
	01/01/2025	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	62.999.378	11.585.264.011	9.484.230.876	2.164.032.513
<b>Cộng</b>	<b>62.999.378</b>	<b>11.585.264.011</b>	<b>9.484.230.876</b>	<b>2.164.032.513</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền điện	181.527.291	145.688.225
- Trích chi phí sửa chữa cầu Gottwald	128.904.110	-
<b>Cộng</b>	<b>310.431.401</b>	<b>145.688.225</b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.362.200.000</b>	<b>3.787.200.000</b>
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	1.362.200.000	3.787.200.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>1.362.200.000</b>
- Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	-	1.362.200.000
<b>Cộng</b>	<b>1.362.200.000</b>	<b>5.149.400.000</b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	203.782.680	173.590.440
- Nhận ký quỹ ký cược	124.000.000	24.000.000
- Phải trả khác	3.269.107.613	2.991.997.474
+ Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	3.069.107.613	1.311.244.474
+ Các đối tượng khác	200.000.000	1.680.753.000
<b>Cộng</b>	<b>3.596.890.293</b>	<b>3.189.587.914</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***18. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2025		Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000
b) Vay dài hạn	5.747.000.000	5.747.000.000	-	1.620.000.000	7.367.000.000	7.367.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hòa (*)	5.747.000.000	5.747.000.000	-	1.620.000.000	7.367.000.000	7.367.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.367.000.000</b>	<b>7.367.000.000</b>	<b>1.620.000.000</b>	<b>3.240.000.000</b>	<b>8.987.000.000</b>	<b>8.987.000.000</b>

(\*) Khoản vay của Quỹ Đầu tư phát triển Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng 14/2022/HĐTD-ĐTPT ngày 09/08/2022 với hạn mức tín dụng là 12.960.000.000 đồng, số tiền vay đến ngày 31/12/2025 là: 7.367.000.000 đồng với lãi suất cho vay là 7,9%/năm. Mục đích vay là đầu tư mua sắm Cầu di động - sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh. Tài sản thế chấp là tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay và các hình thức bảo đảm khác phù hợp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

## 19. Vốn chủ sở hữu

## a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	245.018.170.000	(482.000.000)	13.937.027.761	13.675.119.604	272.148.317.365
- Lãi trong năm nay	-	-	-	16.263.455.820	16.263.455.820
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(13.627.548.659)	(13.627.548.659)
31/12/2024	245.018.170.000	(482.000.000)	13.937.027.761	16.311.026.765	274.784.224.526
01/01/2025	245.018.170.000	(482.000.000)	13.937.027.761	16.311.026.765	274.784.224.526
- Lãi trong năm nay	-	-	-	28.216.072.346	28.216.072.346
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	(16.286.562.500)	(16.286.562.500)
31/12/2025	245.018.170.000	(482.000.000)	13.937.027.761	28.240.536.611	286.713.734.372

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 24/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2024	16.311.026.765
- Phân phối lợi nhuận	16.286.562.500
+ Trích Quỹ phúc lợi	2.277.000.000
+ Trích Quỹ Khen thưởng	1.464.000.000
+ Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	318.754.000
+ Chi trả cổ tức	12.226.808.500
- Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	24.464.265

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**19. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ vốn góp	Số tiền góp vốn	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,27%	34.971.020.000	14,27%
- Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
<b>Cộng</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	245.018.170.000	245.018.170.000
+ Vốn góp cuối năm	245.018.170.000	245.018.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.226.808.500	2.592.258.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
+ Cổ phiếu phổ thông	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.200	48.200
+ Cổ phiếu phổ thông	48.200	48.200
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
+ Cổ phiếu phổ thông	24.453.617	24.453.617
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Thành phố Cam Ranh (nay là Phường Cam Linh), Tỉnh Khánh Hòa với Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa để sử dụng với mục đích xây dựng bến cảng xếp dỡ hàng hóa và làm trụ sở Công ty với tổng diện tích đất thuê là 252.364 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đất từ 16 năm đến 40 năm. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp)**

Ngoài ra Công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, Phường Cam Linh, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa (nay là Phường Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa), có diện tích 797,5 m<sup>2</sup> với mục đích xây dựng Trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND Tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND Tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Doanh thu bán hàng	48.862.337.034	43.815.006.424
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	202.260.140.073	126.632.743.180
<b>Cộng</b>	<b>251.122.477.107</b>	<b>170.447.749.604</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Giá vốn hàng hóa	45.506.203.376	40.928.151.166
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	129.033.057.962	82.904.080.468
<b>Cộng</b>	<b>174.539.261.338</b>	<b>123.832.231.634</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.410.470.002	414.496.641
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.384.055.809	1.010.701.328
- Lãi hàng bán trả chậm, chiết khấu thanh toán	52.884.685	46.982.188
<b>Cộng</b>	<b>2.847.410.496</b>	<b>1.472.180.157</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	648.320.532	778.333.322
<b>Cộng</b>	<b>648.320.532</b>	<b>778.333.322</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí khấu hao TSCĐ	49.537.644	49.537.644
- Chi phí nhân công	220.600.000	220.800.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.791.004	68.784.856
- Chi phí bằng tiền khác	-	52.612.817
<b>Cộng</b>	<b>280.928.648</b>	<b>391.735.317</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	379.216.041	384.779.267
- Chi phí nhân công	24.961.462.271	14.487.599.253
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	194.248.348	120.658.996
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.041.985.050	1.085.443.408
- Thuế, phí, lệ phí	214.018.058	701.413.204
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	169.080.188	112.720.125
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.451.813.194	5.763.452.958
- Chi phí bằng tiền khác	5.825.412.903	3.745.761.615
<b>Cộng</b>	<b>39.237.236.053</b>	<b>26.401.828.826</b>

**7. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	3.522.342.332	2.679.262.846
- Chi phí nhân công	73.745.257.792	41.665.879.605
- Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.542.313.048	762.136.559
- Khấu hao tài sản cố định	21.138.711.566	21.281.670.278
- Thuế, phí và lệ phí	9.345.792.139	4.640.395.399
- Chi phí dự phòng	169.080.188	112.720.125
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.358.922.197	33.818.056.134
- Chi phí bằng tiền khác	10.728.803.401	4.737.523.665
<b>Cộng</b>	<b>168.551.222.663</b>	<b>109.697.644.611</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Tiền thù lao HĐQT, BKS	18.000.000	18.000.000
- Khác	20.253.243	-
<b>Cộng</b>	<b>38.253.243</b>	<b>18.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**9. Chi phí khác**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí thuê đất, thuế đất	3.359.985.440	-
- Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm	83.932.302	-
- Các khoản chi phí khác	351.790.684	59.454.245
<b>Cộng</b>	<b>3.795.708.426</b>	<b>59.454.245</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>35.506.685.849</b>	<b>20.474.346.417</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế</b>	<b>1.569.030.375</b>	<b>1.566.514.613</b>
- Thù lao thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách	66.528.000	446.400.000
- Lương Chủ tịch HĐQT chuyên trách	625.722.600	843.125.000
- Chi phí không hợp lệ	792.847.473	248.464.000
- Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm	83.932.302	28.525.613
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế</b>	<b>1.384.055.809</b>	<b>1.010.701.328</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.384.055.809	1.010.701.328
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>35.691.660.415</b>	<b>21.030.159.702</b>
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính</b>	<b>7.138.332.083</b>	<b>4.206.031.940</b>
- Thuế TNDN năm trước hạch toán bổ sung	152.281.420	4.858.657
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập</b>	<b>7.290.613.503</b>	<b>4.210.890.597</b>

**11. Lãi trên cổ phiếu**

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng, chỉ tiêu này được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 - "Lãi trên cổ phiếu".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính này.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Đối tượng	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải VIMC	Cùng Công ty mẹ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Lý Hàng Hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Nha Trang	Chi nhánh của Công ty có cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn	Công ty con của Công ty có cùng Công ty mẹ

**2a. Giao dịch về số dư với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

		Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
<b>Thu nhập của các thành viên chủ chốt</b>		<b>2.043.794.000</b>	<b>2.119.344.000</b>
<b>- Thu nhập và thù lao của Tổng Giám đốc</b>		<b>1.245.818.000</b>	<b>1.099.456.000</b>
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	737.081.000	596.504.000
Ông Trịnh Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ 21/02/2024)	508.737.000	483.757.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ 01/02/2024)	-	19.195.000
<b>- Thu nhập và thù lao của các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị</b>		<b>662.856.000</b>	<b>863.888.000</b>
Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT	357.816.000	683.888.000
Ông Đỗ Hùng Dương	Chủ tịch HĐQT	55.440.000	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT	62.400.000	-
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	62.400.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	62.400.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	28.080.000	60.000.000
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	34.320.000	-
<b>- Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát</b>		<b>135.120.000</b>	<b>156.000.000</b>
Bà Nguyễn Thị Hiền	Trưởng ban kiểm soát	-	60.000.000
Ông Hoàng Việt	Trưởng ban kiểm soát	34.320.000	-
Bà Bùi Thị Ngọc Lương	Thành viên BKS	50.400.000	32.000.000
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên BKS	-	16.000.000
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	50.400.000	48.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

**VIII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp)**

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu từ các bên liên quan</b>	<b>6.108.457.676</b>	<b>6.546.038.906</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	1.781.856.447	1.242.465.990
- Công ty TNHH MTV Logistics Cảng Quy Nhơn	3.639.384.376	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng Hải Nha Trang	687.216.853	5.303.572.916
<b>Mua hàng từ các bên liên quan</b>	<b>7.405.428.356</b>	<b>4.517.540.649</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	7.370.428.356	4.517.540.649
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	35.000.000	-
<b>Cổ tức, lợi nhuận nhận về</b>	<b>863.472.000</b>	<b>1.010.701.328</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Hải Cảng Cam Ranh	356.979.000	356.979.000
- Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	506.493.000	653.722.328
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>	<b>9.911.507.500</b>	<b>8.920.356.750</b>
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	9.911.507.500	8.920.356.750

**Số dư với các bên liên quan**

Số dư với các bên liên quan được trình bày tại các Thuyết minh số V.3 và V.12.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hòa

Trưởng phòng  
Tài chính Kế toán

Hồ Nguyễn Tú Anh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thắng